

Số: 364/2022/QĐST-DS

Tân Bình, ngày 29 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:*

1. Ông A, sinh năm: 1968

Địa chỉ: B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà E, trú tại: đường G, cư xá H, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo Văn bản ủy quyền số công chứng 001197 lập tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Duy Cường ngày 20 tháng 05 năm 2020).

2. Ông L, sinh năm: 1977

Địa chỉ: M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Lành: Ông Ô, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ô, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 00008505 lập tại Văn phòng Công chứng N2 ngày 07 tháng 4 năm 2022).

*Bị đơn:* Bà G1, sinh năm 1956

Hộ khẩu thường trú: H1, Phường I1, Quận K1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú hiện tại: đường L1, xã M1, huyện N1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Phụng: Ông O1, sinh năm 1978

Địa chỉ: O1, Phường P2, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 013604 lập tại Văn phòng Công chứng N3 ngày 27 tháng 4 năm 2022).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà S, sinh năm: 1955

Địa chỉ: S1, phường S2, quận S3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông S4, trú tại: S5, S6, S7, Tiền Giang (Đại diện theo Văn bản ủy quyền, số công chứng 003027 lập tại Văn phòng công chứng T ngày 22 tháng 10 năm 2019).

2. Ông T2, sinh năm: 1956

Địa chỉ: T3, Phường T4, quận T5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Hưng: Ông X, địa chỉ: X1, phường X2, quận X3, Thành phố Hồ Chí Minh

(Đại diện theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 005115, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng Y, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 5 năm 2020).

3. Bà Y2, sinh năm 1964

Địa chỉ: Y3, Phường Y4, Quận Y5, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Bà G1 đồng ý thanh toán cho ông A số tiền 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng để chấm dứt nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng hứa mua hứa bán số 01/HĐHMHMB/2015 lập ngày 27/4/2015 giữa bà G1 và ông A.

Thời gian và phương thức thực hiện: Giao nhận toàn bộ số tiền một lần vào ngày 30/10/2022.

- Bà G1 đồng ý thanh toán cho ông L số tiền 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng để chấm dứt nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua bán nhà lập ngày 03/02/2018 giữa bà G1 và ông L.

Thời gian và phương thức thực hiện: Giao nhận toàn bộ số tiền một lần vào ngày 30/10/2022.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Trong trường hợp bà G1 chậm thực hiện nghĩa vụ thì bà G1 phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện tương ứng với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm :

Ông A phải chịu án phí là 29.500.000 (Hai mươi tám triệu) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 48.400.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0006460 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 5. Hoàn lại cho ông A số tiền là 18.900.000 (Mười tám triệu chín trăm nghìn) đồng.

Ông L phải chịu án phí là 28.500.000 (Mười tám triệu) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 75.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2018/00035799 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 5. Hoàn lại cho ông L số tiền là 46.500.000 (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà G1 phải chịu án phí là 58.000.000 (Năm mươi tám triệu) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Q. Tân Bình;
- Chi cục THA DS Q. Tân Bình;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Dương Thị Lan Ngọc**